

Số: /NQ-HĐND

Hón Quản, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa  
phương giai đoạn 2021-2025.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTXH ngày / /2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

**1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư công:**

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của huyện.

Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

Không bố trí vốn cho các chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, trả nợ vay.

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

+ Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới.

## **2. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025:**

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 1.131.336 triệu đồng, bao gồm:

- |                                 |                     |
|---------------------------------|---------------------|
| - Vốn phân cấp:                 | 133.810 triệu đồng. |
| - Vốn thu tiền sử dụng đất:     | 713.840 triệu đồng. |
| - Vốn các chương trình MTQG:    | 126.889 triệu đồng. |
| - Vốn tăng thu, kết dư:         | 128.797 triệu đồng. |
| - Vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học: | 28.000 triệu đồng.  |

## **3. Phương án phân bổ:**

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021-2025 là 1.131.336 triệu đồng, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp: 8.434 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới: 1.049.399 triệu đồng.
- Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao: 13.200 triệu đồng.
- Vốn chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS: 482 triệu đồng.
- Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025: 30.471 triệu đồng
- Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025: 6.580 triệu đồng.
- Vốn dự phòng: 22.770 triệu đồng.

*(Kèm theo biểu tổng hợp)*

## **Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh giao UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để xem xét, điều chỉnh và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND huyện, UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- TT HĐND, TT UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV(Tuyên);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021–2025**

Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Danh mục                                                                           | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                    |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                    |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
|     | Tổng cộng                                                                          |                                                            | 1.267.751       | 1.069.467                                               | 135.930      | 642.740         | 134.000                       | 28.000                       | 128.797               | 1.137.628                                               | 133.810      | 713.840         | 133.181                       | 28.000                       | 128.797               | 68.161             |
| A   | Công trình chuyển tiếp                                                             |                                                            | 68.429          | 8.434                                                   | 8.434        | -               | -                             | -                            | -                     | 8.434                                                   | 8.434        | -               | -                             | -                            | -                     | -                  |
| I   | Giao thông                                                                         |                                                            | 5.000           | 3.000                                                   | 3.000        | -               | -                             | -                            | -                     | 3.000                                                   | 3.000        | -               | -                             | -                            | -                     | -                  |
| 1   | Đường liên xã từ ấp Sóc Dầy xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai             |                                                            | 5.000           | 3.000                                                   | 3.000        |                 |                               |                              |                       | 3.000                                                   | 3.000        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| II  | Giáo dục                                                                           |                                                            | 18.185          | 3.750                                                   | 3.750        | -               | -                             | -                            | -                     | 3.750                                                   | 3.750        | -               | -                             | -                            | -                     | -                  |
| 1   | Xây dựng trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan                                      | 1830 ngày 13/10/2019                                       | 9.985           | 1.650                                                   | 1.650        |                 |                               |                              |                       | 1.650                                                   | 1.650        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 2   | Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Phước An, xã Phước An                               | 1865 ngày 29/10/2019                                       | 3.500           | 1.100                                                   | 1.100        |                 |                               |                              |                       | 1.100                                                   | 1.100        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 3   | Xây dựng khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan | 1829 ngày 23/10/2019                                       | 4.700           | 1.000                                                   | 1.000        |                 |                               |                              |                       | 1.000                                                   | 1.000        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| III | Vốn tất toán các công trình đã quyết toán                                          |                                                            |                 | 1.684                                                   | 1.684        | -               |                               |                              |                       | 1.684                                                   | 1.684        | -               |                               |                              |                       | -                  |
| B   | Công trình khởi công mới                                                           |                                                            | 1.199.322       | 945.769                                                 | 94.946       | 591.638         | 116.100                       | 28.000                       | 115.085               | 1.049.899                                               | 100.626      | 679.247         | 113.229                       | 28.000                       | 128.797               | 104.130            |
|     | Công nghiệp                                                                        |                                                            | 6.500           | 6.100                                                   | -            | 2.000           | 1.500                         | -                            | 2.600                 | 6.100                                                   | -            | 2.000           | 1.500                         | -                            | 2.600                 | -                  |
| 1   | Xây dựng mương thoát nước khu định canh định cư ấp Tăng Hách, xã An Phú            | 2216 ngày 31/12/2020                                       | 1.650           | 1.500                                                   |              |                 | 1.500                         |                              |                       | 1.500                                                   |              |                 | 1.500                         |                              |                       | -                  |
| 2   | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Pitch, sân tập thể dục, nhà kho và bếp             | 3964 ngày 23/8/2021                                        | 2.850           | 2.600                                                   |              |                 |                               |                              | 2.600                 | 2.600                                                   |              |                 |                               |                              | 2.600                 | -                  |
| 3   | Xây dựng hệ thống thoát nước đường nhựa trước UBND xã An Phú                       | 3314 ngày 9/7/2021                                         | 2.000           | 2.000                                                   |              | 2.000           |                               |                              |                       | 2.000                                                   |              | 2.000           |                               |                              |                       | -                  |
|     | Giao thông và Hạ tầng đô thị                                                       |                                                            | 806.760         | 685.021                                                 | 45.010       | 474.284         | 79.500                        | -                            | 86.227                | 774.315                                                 | 48.410       | 542.143         | 83.823                        | -                            | 99.939                | 89.294             |
| 1   | Đường nhựa trước UBND xã An Phú                                                    | 2213 ngày 31/12/2020                                       | 4.000           | 3.600                                                   |              |                 | 3.600                         |                              |                       | 3.600                                                   |              |                 | 3.600                         |                              |                       | -                  |
| 2   | Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm                                | 2215 ngày 31/12/2020                                       | 6.000           | 5.300                                                   |              | 1.100           | 4.200                         |                              |                       | 5.300                                                   |              | 1.100           | 4.200                         |                              |                       | -                  |
| 3   | Láng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến - thị xã Bình Long          | 2214 ngày 31/12/2020                                       | 6.300           | 5.300                                                   |              | 1.100           | 4.200                         |                              |                       | 5.300                                                   |              | 1.100           | 4.200                         |                              |                       | -                  |
| 4   | Láng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4                     | 2155 ngày 31/12/2020                                       | 6.000           | 5.300                                                   |              | 1.100           | 4.200                         |                              |                       | 5.300                                                   |              | 1.100           | 4.200                         |                              |                       | -                  |
| 5   | Hạ tầng KDC xã Tân Lợi (đường sỏi đỏ)                                              | 2158 ngày 31/12/2020                                       | 2.000           | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 6   | Đường nhựa ấp Núi Gió, xã Tân Lợi kết nối Thị xã Bình Long                         | 2209 ngày 31/12/2020                                       | 6.000           | 5.400                                                   | 5.400        |                 |                               |                              |                       | 5.400                                                   | 5.400        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 7   | Hạ tầng KDC Xa Trạch (đường sỏi đỏ) xã Thanh Bình                                  | 2211 ngày 31/12/2020                                       | 3.000           | 2.700                                                   | 2.700        |                 |                               |                              |                       | 2.700                                                   | 2.700        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 8   | Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ            | 1459 ngày 22/6/2021                                        | 12.000          | 9.000                                                   |              | 9.000           |                               |                              |                       | 9.000                                                   |              | 9.000           |                               |                              |                       | -                  |



| STT | Danh mục                                                                                          | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                                   |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                                   |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 9   | Xây dựng đường Bắc Nam 4, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện                       | 2201 ngày 31/12/2020                                       | 4.500           | 4.100                                                   |              | 4.100           |                               |                              |                       | 4.100                                                   |              | 4.100           |                               |                              |                       | -                  |
| 10  | Xây dựng đường Bắc Nam 4A, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện                      | 2202 ngày 31/12/2020                                       | 3.700           | 3.350                                                   |              | 3.350           |                               |                              |                       | 3.350                                                   |              | 3.350           |                               |                              |                       | -                  |
| 11  | Xây dựng đường Bắc Nam 4B, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện                      | 2203 ngày 31/12/2020                                       | 3.700           | 3.250                                                   |              | 3.250           |                               |                              |                       | 3.250                                                   |              | 3.250           |                               |                              |                       | -                  |
| 12  | Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện              | 2204 ngày 31/12/2020                                       | 8.500           | 7.600                                                   | 1.000        | 6.600           |                               |                              |                       | 7.600                                                   | 1.000        | 6.600           |                               |                              |                       | -                  |
| 13  | Láng nhựa đường từ trục chính khu phố 6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1, xã Đồng Nơ               | 2199 ngày 31/12/2020                                       | 7.500           | 6.800                                                   |              | 5.400           |                               |                              | 1.400                 | 6.800                                                   |              | 5.400           |                               |                              | 1.400                 | -                  |
| 14  | Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An                          | 2212 ngày 31/12/2020                                       | 6.500           | 6.000                                                   |              | -               |                               |                              | 6.000                 | 6.000                                                   |              | -               |                               |                              | 6.000                 | -                  |
| 15  | Các tuyến đường BTXM                                                                              |                                                            |                 | 180.411                                                 |              | 117.284         | 5.300                         |                              | 57.827                | 178.879                                                 |              | 117.852         | 3.200                         |                              | 57.827                | (1.532)            |
| 16  | Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú                                          | 3313 ngày 9/7/2021                                         | 7.600           | 6.600                                                   |              | 5.600           | 1.000                         |                              |                       | 6.600                                                   |              | 5.600           | 1.000                         |                              |                       | -                  |
| 17  | Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ                                      | 4801 ngày 12/10/2021                                       | 10.600          | 9.500                                                   |              | 2.300           | 7.200                         |                              |                       | 9.500                                                   |              | 2.300           | 7.200                         |                              |                       | -                  |
| 18  | Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km | 4802 ngày 12/10/2021                                       | 6.400           | 5.700                                                   |              | 1.200           | 4.500                         |                              |                       | 5.700                                                   |              | 1.200           | 4.500                         |                              |                       | -                  |
| 19  | Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km            | 4800 ngày 12/10/2021                                       | 5.600           | 5.000                                                   |              | 1.400           | 3.600                         |                              |                       | 4.700                                                   |              | 1.400           | 3.300                         |                              |                       | (300)              |
| 20  | Nâng cấp đoạn đường ĐH Minh Đức - Đồng Nơ, đoạn từ ngã ba Bưu điện đến đốc Hương Cường dài 1,8km  | 4803 ngày 12/10/2021                                       | 11.000          | 10.000                                                  |              | 6.600           | 3.400                         |                              |                       | 7.700                                                   |              | 7.700           | -                             |                              |                       | (2.300)            |
| 21  | Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan                                                             | 3338 ngày 12/7/2021                                        | 7.600           | 7.600                                                   | 2.100        |                 |                               |                              | 5.500                 | 7.600                                                   | 2.100        |                 |                               |                              | 5.500                 | -                  |
| 22  | Nâng cấp đường vào mỏ cát xã Tân Hiệp                                                             | 3312 ngày 9/7/2021                                         | 5.700           | 5.200                                                   |              | 2.700           |                               |                              | 2.500                 | 5.200                                                   |              | 2.700           |                               |                              | 2.500                 | -                  |
| 23  | Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng                                 | 3311 ngày 9/7/2021                                         | 3.600           | 2.500                                                   |              |                 |                               |                              | 2.500                 | 2.500                                                   |              |                 |                               |                              | 2.500                 | -                  |
| 24  | Xây dựng đường Đông Tây 9                                                                         | 4497 ngày 22/9/2021                                        | 18.000          | 16.000                                                  |              | 16.000          |                               |                              |                       | 12.578                                                  |              | 12.578          |                               |                              |                       | (3.422)            |
| 25  | Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản                      | 4798 ngày 12/10/2021                                       | 8.000           | 7.200                                                   |              | 7.200           |                               |                              |                       | 7.200                                                   |              | 7.200           |                               |                              |                       | -                  |
| 26  | Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dầm – Địa Hạt, xã Thanh An                              |                                                            | 18.000          | 16.200                                                  |              | 8.200           | 8.000                         |                              |                       | 9.000                                                   |              | 1.000           | 8.000                         |                              |                       | (7.200)            |
| 27  | Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2, xã Đồng Nơ                                          | 4496 ngày 22/9/2021                                        | 7.600           | 6.900                                                   | 6.900        |                 | Trang 2                       |                              |                       | 6.900                                                   | 6.900        |                 |                               |                              |                       | -                  |

| STT | Danh mục                                                                                                                | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                         |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                                                         |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 28  | Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ                                                                              |                                                            | 11.000          | 10.000                                                  |              | 10.000          |                               |                              |                       | 5.500                                                   |              | 5.500           |                               |                              |                       | (4.500)            |
| 29  | Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An                                                                          |                                                            | 8.000           | 7.200                                                   |              | 7.200           | -                             |                              |                       | 4.000                                                   |              | 2.000           | 2.000                         |                              |                       | (3.200)            |
| 30  | Xây dựng đường An Quý - Xa Cô, xã Thanh An                                                                              | 4799 ngày 12/10/2021                                       | 10.000          | 9.000                                                   |              | 5.000           | 4.000                         |                              |                       | 7.000                                                   |              | 7.000           | -                             |                              |                       | (2.000)            |
| 31  | Nâng cấp đường huyện Tân Lợi – Phước An – Thanh Bình                                                                    |                                                            | 20.000          | 18.000                                                  |              | 18.000          |                               |                              |                       | -                                                       |              | -               |                               |                              |                       | (18.000)           |
| 32  | Xây dựng đường Đông Tây 12                                                                                              |                                                            | 30.000          | 27.000                                                  |              | 27.000          |                               |                              |                       | -                                                       |              | -               |                               |                              |                       | (27.000)           |
| 33  | Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua ấp Hưng Phát                                                                   |                                                            | 15.000          | 13.500                                                  |              |                 | 13.500                        |                              |                       | 13.500                                                  |              |                 | 13.500                        |                              |                       | -                  |
| 34  | Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức                                                                        |                                                            | 10.000          | 9.000                                                   |              | 1.000           | 8.000                         |                              |                       | 9.000                                                   |              | 1.000           | 8.000                         |                              |                       | -                  |
| 35  | Nâng cấp, sửa chữa đường Long Bình – Sóc Lớn                                                                            |                                                            | 5.000           | 4.500                                                   | 4.500        | -               |                               |                              |                       | 4.500                                                   | 4.500        | -               |                               |                              |                       | -                  |
| 36  | Xây dựng đường Đông Tây 16 khu TTHC huyện                                                                               |                                                            | 3.000           | 27.000                                                  | 7.260        | 19.740          |                               |                              |                       | 27.000                                                  | 7.260        | 19.740          |                               |                              |                       | -                  |
| 37  | Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng các khu đất của Cty CS Bình Long và xây dựng cơ sở hạ tầng.                          |                                                            | 69.010          | 69.010                                                  |              | 69.010          |                               |                              |                       | 69.010                                                  |              | 69.010          |                               |                              |                       | -                  |
| 38  | Xây dựng đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9                                                              |                                                            | 15.000          | 13.500                                                  |              | 13.500          |                               |                              |                       | 13.500                                                  |              | 13.500          |                               |                              |                       | -                  |
| 39  | Xây dựng đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9                                                              |                                                            | 15.000          | 13.500                                                  |              | 13.500          |                               |                              |                       | 13.500                                                  |              | 13.500          |                               |                              |                       | -                  |
| 40  | Xây dựng đường Bắc Nam 6 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 10                                                             |                                                            | 20.000          | 18.000                                                  | 13.350       | 4.650           |                               |                              |                       | 18.000                                                  | 13.350       | 4.650           |                               |                              |                       | -                  |
| 41  | Xây dựng đường từ công TTVH xã kết nối đường Trà Thanh - An Khương                                                      |                                                            | 500             | 500                                                     |              | 500             |                               |                              |                       | 500                                                     |              | 500             |                               |                              |                       | -                  |
| 42  | Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên                                                             | 5871 ngày 30/12/2021                                       | 2.400           | 2.200                                                   |              | 2.200           |                               |                              |                       | 2.200                                                   |              | 2.200           |                               |                              |                       | -                  |
| 43  | Kinh phí hoàn thiện các tiêu chí để huyện đạt chuẩn NTM                                                                 |                                                            | 45.000          | 40.000                                                  |              | 40.000          |                               |                              |                       | 40.000                                                  |              | 40.000          |                               |                              |                       | -                  |
| 44  | Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 đi Phước An, huyện Hớn Quản                                                            |                                                            | 23.000          | 20.000                                                  |              | 20.000          |                               |                              |                       | 16.125                                                  |              | 16.125          |                               |                              |                       | (3.875)            |
| 45  | Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường Trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản |                                                            | 50.000          | 10.000                                                  |              | 10.000          |                               |                              |                       | 10.000                                                  |              | 10.000          |                               |                              |                       | -                  |
| 46  | Xây dựng đường nhựa từ Trung tâm xã đi ấp 4 - xã Đồng Nơ                                                                |                                                            | 4.800           | 4.800                                                   |              |                 | 4.800                         |                              |                       | 3.500                                                   |              |                 | 3.500                         |                              |                       | (1.300)            |
| 47  | Xây dựng đường Trường An - Sóc Dầy xã Phước An                                                                          |                                                            | 5.700           | 4.500                                                   |              | 4.500           |                               |                              |                       | 4.500                                                   |              | 4.500           |                               |                              |                       | -                  |
| 48  | Láng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai                                                           |                                                            | 16.500          | 8.000                                                   |              |                 |                               |                              | 8.000                 | 9.600                                                   | 1.600        |                 |                               |                              | 8.000                 | 1.600              |

| STT | Danh mục                                                                                                             | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                      |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                                                      |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 49  | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)                          |                                                            | 5.600           | 2.500                                                   |              |                 |                               |                              | 2.500                 | 3.800                                                   | 1.300        |                 |                               |                              | 2.500                 | 1.300              |
| 50  | Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)                                               |                                                            | 44.000          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 30.800                                                  |              | 17.088          | -                             |                              | 13.712                | 30.800             |
| 51  | Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đồng Nơ (kết nối xã Minh Hưng)                                                   |                                                            | 5.000           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 3.500                                                   |              | 2.200           | 1.300                         |                              |                       | 3.500              |
| 52  | Xây Dựng Đường từ ấp Sờ Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân                                          |                                                            | 15.000          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 10.500                                                  |              | 10.500          |                               |                              |                       | 10.500             |
| 53  | Xây Dựng Đường Ranh Xã Minh Tâm, Huyện Hớn Quản Với Phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long                                 |                                                            | 22.000          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 14.400                                                  |              | 14.400          |                               |                              |                       | 14.400             |
| 54  | Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1                                                 |                                                            | 4.900           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 3.400                                                   |              | 3.400           |                               |                              |                       | 3.400              |
| 55  | Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 2                                                 |                                                            | 4.900           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 3.400                                                   |              | 3.400           |                               |                              |                       | 3.400              |
| 56  | Xây dựng thảm nhựa đường tổ 8, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1                                                 |                                                            | 4.900           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 3.400                                                   |              | 3.400           |                               |                              |                       | 3.400              |
| 57  | Nâng cấp, sửa chữa khăn cấp cống ngang đường tổ 13, ấp 1A, xã Minh Đức                                               |                                                            | 1.100           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 1.000                                                   |              |                 | 1.000                         |                              |                       | 1.000              |
| 58  | Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vàng, Xã Minh Tâm Nối Ấp Sóc Rul, Xã An Phú                                                 |                                                            | 9.000           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 6.119                                                   |              | 3.000           | 3.119                         |                              |                       | 6.119              |
| 59  | Xây dựng mương thoát nước bên trái đường nhựa trước UBND xã An Phú                                                   |                                                            | 3.200           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 3.200                                                   |              |                 | 3.200                         |                              |                       | 3.200              |
| 60  | Nâng cấp, mở rộng đường và xây mương đường vào Trường MN, THCS, trạm y tế xã An Phú                                  |                                                            | 1.800           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 1.719                                                   |              |                 | 1.719                         |                              |                       | 1.719              |
| 61  | Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh                                              |                                                            | 6.000           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 4.185                                                   |              | 1.100           | 3.085                         |                              |                       | 4.185              |
| 62  | Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)                                                        |                                                            | 14.900          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 11.400                                                  | 500          | 10.900          |                               |                              |                       | 11.400             |
| 63  | Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)                                                |                                                            | 14.500          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 11.100                                                  |              | 11.100          |                               |                              |                       | 11.100             |
| 64  | Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)                                                    |                                                            | 14.500          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 11.300                                                  |              | 11.300          |                               |                              |                       | 11.300             |
| 65  | Xây dựng mương, kè, cống ngang đường từ ngã 5, xã Tân Hưng đi hướng cầu Đức, xã Phước An                             |                                                            | 14.000          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 9.800                                                   |              | 9.800           |                               |                              |                       | 9.800              |
| 66  | Nâng cấp, sửa chữa đường từ ấp Đồng Tân đi ấp Chà Lon, xã Minh Đức                                                   |                                                            | 14.800          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 10.300                                                  |              | 10.300          |                               |                              |                       | 10.300             |
| 67  | Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7) |                                                            | 14.800          | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 12.400                                                  |              | 12.400          |                               |                              |                       | 12.400             |

| STT | Danh mục                                                                                                                  | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |               |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |               |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                           |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó      |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó      |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                                                           |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp  | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp  | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 68  | Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A |                                                            | 14.900          | -                                                       |               |                 |                               |                              |                       | 9.100                                                   |               | 9.100           |                               |                              |                       | 9.100              |
| 69  | Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện                                                                        |                                                            | 5.800           | 5.000                                                   |               | 5.000           |                               |                              |                       | 5.000                                                   |               | 5.000           |                               |                              |                       | -                  |
|     | <b>Giáo dục</b>                                                                                                           |                                                            | <b>317.800</b>  | <b>206.530</b>                                          | <b>29.040</b> | <b>104.600</b>  | <b>25.500</b>                 | <b>28.000</b>                | <b>19.390</b>         | <b>211.216</b>                                          | <b>31.320</b> | <b>116.300</b>  | <b>16.206</b>                 | <b>28.000</b>                | <b>19.390</b>         | <b>4.686</b>       |
| 1   | Xây dựng 04 phòng học và nâng cấp nhà vệ sinh trường TH&THCS An Phú                                                       | 3856 ngày 11/8/2021                                        | 2.600           | 2.100                                                   |               |                 | 2.100                         |                              |                       | 2.100                                                   |               |                 | 2.100                         |                              |                       | -                  |
| 2   | Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú                                                                         | 3330 ngày 12/7/2021                                        | 5.000           | 4.500                                                   |               |                 | 1.500                         |                              | 3.000                 | 4.100                                                   |               |                 | 1.100                         |                              | 3.000                 | (400)              |
| 3   | Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che trường MN Minh Tâm                                                  | 2207 ngày 31/12/2020                                       | 2.000           | 1.800                                                   |               | 1.800           | -                             |                              |                       | 1.600                                                   |               | 1.600           | -                             |                              |                       | (200)              |
| 4   | Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm                                            |                                                            | 500             | 450                                                     |               |                 |                               |                              | 450                   | 450                                                     |               |                 |                               |                              | 450                   | -                  |
| 5   | Xây dựng hàng rào điểm lẻ trường TH Minh Tâm                                                                              |                                                            | 400             | 350                                                     |               |                 |                               |                              | 350                   | 350                                                     |               |                 |                               |                              | 350                   | -                  |
| 6   | Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi                                                            | 3335 ngày 12/7/2021                                        | 4.500           | 2.940                                                   | 1.000         |                 |                               |                              | 1.940                 | 2.940                                                   | 1.000         |                 |                               |                              | 1.940                 | -                  |
| 7   | Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp                                                                                  | 3334 ngày 12/7/2021                                        | 3.600           | 2.800                                                   |               |                 |                               |                              | 2.800                 | 2.800                                                   |               |                 |                               |                              | 2.800                 | -                  |
| 8   | Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng                                                                                | 3333 ngày 12/7/2021                                        | 13.500          | 8.000                                                   | 3.700         |                 |                               |                              | 4.300                 | 8.000                                                   | 3.700         |                 |                               |                              | 4.300                 | -                  |
| 9   | Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ                                                         | 3332 ngày 12/7/2021                                        | 7.100           | 5.600                                                   | 2.400         |                 |                               |                              | 3.200                 | 5.600                                                   | 2.400         |                 |                               |                              | 3.200                 | -                  |
| 10  | Xây dựng Trường THCS Tân Khai                                                                                             |                                                            | 70.000          | 70.000                                                  | 8.300         | 58.700          |                               | -                            | 3.000                 | 70.000                                                  | 8.300         | 50.200          | -                             | 8.500                        | 3.000                 | -                  |
| 11  | XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức                                                                                   | 5917 ngày 31/12/2021                                       | 13.500          | 11.000                                                  |               | -               | 5.300                         | 5.700                        |                       | 9.500                                                   |               | 3.800           | -                             | 5.700                        |                       | (1.500)            |
| 12  | XD Trường Mầm non Minh Đức                                                                                                | 5916 ngày 31/12/2021                                       | 22.000          | 5.000                                                   |               | 3.500           |                               | 1.500                        |                       | 14.000                                                  |               | 12.500          |                               | 1.500                        |                       | 9.000              |
| 13  | Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình                                                 | 5752 ngày 24/12/2021                                       | 5.700           | 4.900                                                   |               | -               |                               | 4.900                        |                       | 4.000                                                   | 1.200         | -               |                               | 2.800                        |                       | (900)              |
| 14  | Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh                                                                                 | 5877 ngày 30/12/2021                                       | 13.500          | 8.500                                                   |               | -               |                               | 8.500                        |                       | 9.500                                                   | 3.000         | -               |                               | 6.500                        |                       | 1.000              |
| 15  | Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi                                                                              |                                                            | 3.500           | 3.000                                                   |               |                 |                               | 3.000                        |                       | 2.500                                                   |               | 1.500           |                               | 1.000                        |                       | (500)              |
| 16  | Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp                                                                      |                                                            | 1.600           | 1.400                                                   |               |                 |                               | 1.400                        |                       | 1.000                                                   |               |                 |                               | 1.000                        |                       | (400)              |
| 17  | Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng                                                                            |                                                            | 3.500           | 3.000                                                   |               |                 |                               | 3.000                        |                       | 2.500                                                   |               | 1.500           |                               | 1.000                        |                       | (500)              |
| 18  | Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Tân Hiệp                                                                      |                                                            | 1.800           | 1.620                                                   | 1.620         |                 |                               |                              |                       | 900                                                     | 900           |                 |                               |                              |                       | (720)              |
| 19  | Xây dựng 02 phòng học trường TH Trà Thanh                                                                                 |                                                            | 1.000           | 900                                                     | 900           |                 | Trang 5                       |                              |                       | 500                                                     | 500           |                 |                               |                              |                       | (400)              |

| STT | Danh mục                                                                                                                                                        | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                                                                 |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                                                                                                 |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 20  | Xây dựng 03 phòng học trường TH Tân Hưng                                                                                                                        |                                                            | 1.500           | 1.400                                                   | 1.400        |                 |                               |                              |                       | 1.000                                                   | 1.000        |                 |                               |                              |                       | (400)              |
| 21  | Xây dựng 02 phòng học trường TH Tân Khai A                                                                                                                      |                                                            | 1.000           | 900                                                     | 900          |                 |                               |                              |                       | 500                                                     | 500          |                 |                               |                              |                       | (400)              |
| 22  | Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình                                                                                                                 | 792 ngày 7/5/2021                                          | 3.200           | 2.450                                                   | -            |                 | 2.100                         |                              | 350                   | 2.450                                                   | -            |                 | 2.100                         |                              | 350                   | -                  |
| 23  | Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Thanh An                                                                                                            |                                                            | 1.800           | 1.620                                                   | 1.620        |                 |                               |                              |                       | 1.620                                                   | 1.620        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 24  | Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Tân Hiệp                                                                                                                   |                                                            | 2.000           | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 25  | Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Minh Tâm                                                                                                                   |                                                            | 2.000           | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 26  | Xây dựng 04 phòng học trường THCS Thanh An                                                                                                                      |                                                            | 2.000           | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | 1.800                                                   | 1.800        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 27  | Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS An Khương                                                                                                                  |                                                            | 2.000           | 1.800                                                   | 1.800        | -               |                               |                              |                       | 1.800                                                   | 1.800        | -               |                               |                              |                       | -                  |
| 28  | Đầu tư xây dựng các trường chuẩn QG và Chương trình GD năm 2018                                                                                                 |                                                            | 123.000         | 55.100                                                  | -            | 40.600          | 14.500                        |                              |                       | 52.106                                                  | -            | 41.200          | 10.906                        |                              |                       | (2.994)            |
| 29  | Đầu tư trang thiết bị cho các trường học                                                                                                                        |                                                            | 1.000           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 1.000                                                   |              | 1.000           |                               |                              |                       | 1.000              |
| 30  | Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường chuẩn quốc gia                                                                                               |                                                            | 3.000           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 3.000                                                   |              | 3.000           |                               |                              |                       | 3.000              |
|     | <b>Văn hóa</b>                                                                                                                                                  |                                                            | <b>29.147</b>   | <b>18.497</b>                                           | <b>7.400</b> | <b>5.300</b>    | <b>5.797</b>                  | <b>-</b>                     | <b>-</b>              | <b>24.697</b>                                           | <b>7.400</b> | <b>11.500</b>   | <b>5.797</b>                  | <b>-</b>                     | <b>-</b>              | <b>6.200</b>       |
| 1   | Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tăng Hách, Phổ Lồ, Sóc Rul, An Tân)                                                |                                                            | 1.000           | 800                                                     |              |                 | 800                           |                              |                       | 800                                                     |              |                 | 800                           |                              |                       | -                  |
| 2   | Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú                                                                                                                                |                                                            | 750             | 700                                                     |              |                 | 700                           |                              |                       | 700                                                     |              |                 | 700                           |                              |                       | -                  |
| 3   | Xây dựng nhà văn hóa ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng                                                                                                                 |                                                            | 750             | 700                                                     |              | 700             |                               |                              |                       | 700                                                     |              | 700             |                               |                              |                       | -                  |
| 4   | Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)                                                     |                                                            | 1.200           | 1.000                                                   |              |                 | 1.000                         |                              |                       | 1.000                                                   |              |                 | 1.000                         |                              |                       | -                  |
| 5   | Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm                                                                                                                           |                                                            | 750             | 700                                                     |              |                 | 700                           |                              |                       | 700                                                     |              |                 | 700                           |                              |                       | -                  |
| 6   | Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm                                                                                                                           |                                                            | 750             | 700                                                     |              |                 | 700                           |                              |                       | 700                                                     |              |                 | 700                           |                              |                       | -                  |
| 7   | Xây dựng hàng rào TTVH xã Minh Tâm                                                                                                                              |                                                            | 1.000           | 600                                                     |              |                 | 600                           |                              |                       | -                                                       |              |                 | -                             |                              |                       | (600)              |
| 8   | Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa xã Minh Đức                                                                                                                      |                                                            | 3.000           | 3.000                                                   | 3.000        |                 |                               |                              |                       | 3.000                                                   | 3.000        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 9   | XD nhà văn hóa, công nhà văn hóa ấp Sờ Nhi                                                                                                                      |                                                            | 785             | 785                                                     |              |                 | 785                           |                              |                       | 785                                                     |              |                 | 785                           |                              |                       | -                  |
| 10  | Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thanh Bình (nhà văn hóa ấp Đông Phát, Sóc Răng, Chà Là, Xa Cát) và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa |                                                            | 512             | 512                                                     |              |                 | 512                           |                              |                       | 512                                                     |              |                 | 512                           |                              |                       | -                  |

| STT | Danh mục                                                                                           | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                                                                    |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                                                                    |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 11  | Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)           |                                                            | 3.000           | 3.000                                                   | 1.400        | 1.600           |                               |                              |                       | 3.000                                                   | 1.400        | 1.600           |                               |                              |                       | -                  |
| 12  | Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)           |                                                            | 3.000           | 3.000                                                   | 3.000        |                 |                               |                              |                       | 3.000                                                   | 3.000        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 13  | Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)           |                                                            | 3.000           | 3.000                                                   |              | 3.000           |                               |                              |                       | 3.000                                                   |              | 3.000           |                               |                              |                       | -                  |
| 14  | Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp 23 Lớn, xã Phước An                                              |                                                            | 750             | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 500                                                     |              | 500             |                               |                              |                       | 500                |
| 15  | Xây dựng hàng rào nhà văn hóa sóc 6, sân BTXM nhà văn hóa ấp 3, công nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Tâm |                                                            | 400             | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 370                                                     |              |                 | 370                           |                              |                       | 370                |
| 16  | Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa sóc 5 xã Minh Tâm                                                   |                                                            | 300             | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 230                                                     |              |                 | 230                           |                              |                       | 230                |
| 17  | Xây dựng cổng hàng rào TTVH huyện                                                                  |                                                            | 8.200           | -                                                       |              |                 | -                             |                              |                       | 5.700                                                   |              | 5.700           | -                             |                              |                       | 5.700              |
|     | QLNN                                                                                               |                                                            | 26.865          | 17.621                                                  | 5.496        | 1.454           | 3.803                         | -                            | 6.868                 | 21.321                                                  | 5.496        | 3.154           | 5.803                         | -                            | 6.868                 | 3.700              |
| 1   | Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)                         | 3308 ngày 9/7/2021                                         | 6.800           | 6.000                                                   | 3.600        | 1.400           |                               |                              | 1.000                 | 6.000                                                   | 3.600        | 1.400           |                               |                              | 1.000                 | -                  |
| 2   | Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị                    | 4825 ngày 14/10/2021                                       | 1.500           | 1.500                                                   | 1.500        |                 |                               |                              |                       | 1.500                                                   | 1.500        |                 |                               |                              |                       | -                  |
| 3   | Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Bình                                                       | 3329 ngày 12/7/2021                                        | 3.000           | 2.706                                                   |              |                 | 438                           |                              | 2.268                 | 2.706                                                   |              |                 | 438                           |                              | 2.268                 | -                  |
| 4   | Nâng cấp, sửa chữa hội trường UBND xã An Phú                                                       |                                                            | 1.100           | 1.000                                                   |              |                 | 1.000                         |                              |                       | 1.000                                                   |              |                 | 1.000                         |                              |                       | -                  |
| 5   | Nâng cấp, sửa chữa hội trường và mua sắm trang thiết bị xã Minh Tâm                                |                                                            | 1.200           | 1.200                                                   |              |                 | 1.200                         |                              |                       | 1.200                                                   |              |                 | 1.200                         |                              |                       | -                  |
| 6   | Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Thanh Bình và mua sắm máy vi tính                                  |                                                            | 195             | 195                                                     |              |                 | 195                           |                              |                       | 195                                                     |              |                 | 195                           |                              |                       | -                  |
| 7   | XD nhà làm việc Công an xã Thanh Bình                                                              |                                                            | 970             | 970                                                     |              |                 | 970                           |                              |                       | 970                                                     |              |                 | 970                           |                              |                       | -                  |
| 8   | Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (đối ứng ngân sách huyện)                             |                                                            | 450             | 450                                                     | 396          | 54              |                               |                              |                       | 450                                                     | 396          | 54              |                               |                              |                       | -                  |
| 9   | Xây dựng nhà ở DQTT huyện, nhà xe, nhà trực ban nội vụ và tiếp công dân                            |                                                            | 4.400           | 3.600                                                   |              |                 |                               |                              | 3.600                 | 3.600                                                   |              |                 |                               |                              | 3.600                 | -                  |
| 10  | Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện                            |                                                            | 4.000           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 800                                                     |              | 800             |                               |                              |                       | 800                |
| 11  | Cải tạo khuôn viên trước nhà bia ghi danh Liệt sỹ                                                  |                                                            | 2.100           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 2.000                                                   |              |                 | 2.000                         |                              |                       | 2.000              |
| 12  | Cải tạo sân nội bộ, nhà bảo vệ và nhà xe UBND xã Thanh Bình                                        |                                                            | 1.150           | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 900                                                     |              | 900             |                               |                              |                       | 900                |
|     | Y tế                                                                                               |                                                            | 12.250          | 12.000                                                  | 8.000        | 4.000           | -                             | -                            | -                     | 12.250                                                  | 8.000        | 4.150           | 100                           | -                            | -                     | 250                |
| 1   | Xây dựng các công trình phục vụ Y tế                                                               |                                                            | 12.000          | 12.000                                                  | 8.000        | 4.000           |                               |                              |                       | 12.000                                                  | 8.000        | 4.000           |                               |                              |                       | -                  |
| 2   | Sửa chữa trạm y tế xã Tân Hưng                                                                     |                                                            | 150             | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 150                                                     |              | 150             |                               |                              |                       | 150                |

| STT | Danh mục                                                 | Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 |              |                 |                               |                              |                       | Tăng (+)/ giảm (-) |
|-----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|--------------------|
|     |                                                          |                                                            |                 | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       | Tổng số                                                 | Trong đó     |                 |                               |                              |                       |                    |
|     |                                                          |                                                            |                 |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                                                         | Vốn phân cấp | Vốn sử dụng đất | Vốn các chương trình mục tiêu | Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học | Vốn tăng thu + kết dư |                    |
| 3   | Sửa chữa trạm y tế xã Minh Đức                           |                                                            | 100             | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 100                                                     |              |                 | 100                           |                              |                       | 100                |
| C   | Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao                   |                                                            |                 | 4.200                                                   | -            | -               | 4.200                         |                              |                       | 13.200                                                  | -            | -               | 13.200                        |                              |                       | 9.000              |
| D   | Vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS |                                                            |                 | -                                                       |              |                 |                               |                              |                       | 6.774                                                   |              | 22              | 6.752                         |                              |                       | 6.774              |
| E   | Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025          |                                                            |                 | 36.832                                                  | 30.020       | 6.812           | -                             |                              |                       | 30.471                                                  | 22.720       | 7.751           | -                             |                              |                       | (6.361)            |
| F   | Vốn chuẩn bị đầu tư                                      |                                                            |                 | 3.290                                                   | 2.530        | 760             |                               |                              |                       | 6.080                                                   | 2.030        | 4.050           |                               |                              |                       | 2.790              |
| G   | Dự phòng                                                 |                                                            |                 | 70.942                                                  | -            | 43.530          | 13.700                        |                              | 13.712                | 22.770                                                  | -            | 22.770          | -                             |                              | -                     | (48.172)           |